



Người ký: Bộ Ngoại
giao
Email:
tll.mfa@mofa.gov.vn
Cơ quan: Bộ Ngoại giao
Thời gian ký:
25.04.2023 10:29:59
+07:00

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1825~~/BNG-UBBG

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định số
14/2018/ND-CP

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Phúc Công văn số 1453/BCT-XNK ngày 16/3/2023 của Quý Bộ đề nghị góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/ND-CP, Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với nội dung hồ sơ dự thảo Nghị định do Quý Bộ chủ trì xây dựng. Để hoàn thiện thêm dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định và các hồ sơ liên quan, Bộ Ngoại giao đề nghị Quý Bộ cân nhắc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:

1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ:

- Do Nghị định điều chỉnh vấn đề thương mại biên giới, trực tiếp liên quan đến việc thực hiện các điều ước quốc tế ta đã ký kết với Trung Quốc, Lào, Campuchia (như Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới, Hiệp định thương mại biên giới...) và các điều ước liên quan khác, căn cứ Khoản 3d Điều 84 và khoản 5 Điều 85 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, đề nghị Quý Bộ rà soát chi tiết, toàn diện hơn về tính tương thích của dự thảo Nghị định với quy định của các điều ước quốc tế liên quan, đồng thời, thể hiện rõ kết quả rà soát trong dự thảo Tờ trình Chính phủ.

- Một số tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Nghị định 14/2018/ND-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới (Nghị định 14) thời gian qua được đề cập tại Mục I dự thảo Tờ trình Chính phủ, nhưng chưa được thể hiện một cách nhất quán hoặc chưa được giải quyết trong nội dung xây dựng chính sách mới tại Nghị định sửa đổi, bổ sung (ví dụ: khu vực cửa khẩu một số nơi chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ, tiến độ còn chậm; công tác tuyên truyền quy định pháp luật về thương mại biên giới còn hạn chế...). Do vậy, đề nghị Quý Bộ thể hiện rõ hơn tại dự thảo Tờ trình những vấn đề vướng mắc bất cập sẽ được giải quyết tại Nghị định mới, vấn đề nào chưa thể tháo gỡ và nguyên nhân (ví dụ điều kiện nguồn lực chưa đảm bảo trong giai đoạn hiện nay) và vướng mắc cần được giải quyết bằng các chính sách hoặc văn bản quy phạm pháp luật khác.

- Tại Mục I, đề nghị làm rõ hơn tồn tại, vướng mắc trong thi hành Nghị định 14 trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp tại Việt Nam và các nước có chung biên giới để thấy rõ được sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị định.

- Tại khoản thứ 4, điểm 5, Mục I, đề nghị cân nhắc, điều chỉnh nhận định quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định 14 không phù hợp với Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới đất liền VN - Lào năm 2016 theo hướng: quy định tại các điều này chưa toàn diện để đảm bảo thực thi đầy đủ các nghĩa

vụ trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết vì: quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định 14 hiện nay quy định các loại giấy tờ áp dụng chung cho người và phương tiện của Việt Nam và của nước có chung biên giới (trong đó gồm 3 nhóm: cư dân biên giới, công dân của tỉnh biên giới mỗi bên và công dân của Việt Nam và nước có chung biên giới không thuộc hai nhóm trên) nên đã liệt kê các loại giấy tờ mà công dân có thể sử dụng để xuất, nhập qua biên giới tại các loại hình cửa khẩu, lối mòn. Danh sách các giấy tờ quy định tại Điều 21, Điều 22 chưa bao quát hết các loại giấy tờ mà công dân Việt Nam và các nước liên quan được phép sử dụng để qua lại biên giới theo các điều ước đang có hiệu lực.

Cụ thể, ngoài hộ chiếu và giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, các điều ước còn quy định một số loại giấy tờ sau:

(i) Trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới cấp cho cư dân biên giới và cán bộ, công chức nhà nước công tác tại vùng biên giới của hai tỉnh¹ để đi sang vùng biên giới đối diện (huyện biên giới).

(ii) Trên tuyến biên giới Việt Nam - Lào, Hiệp định năm 2016 quy định “cư dân biên giới được phép sử dụng giấy tờ do hai bên thỏa thuận để xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới Việt Nam - Lào gần nhất đến khu vực biên giới đối diện”; và “công dân của các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào hoặc công dân làm việc tại các cơ quan, tổ chức, trụ sở tại tỉnh biên giới Việt Nam - Lào được phép sử dụng Giấy thông hành biên giới/Sổ thông thành biên giới khi xuất cảnh, nhập cảnh qua các cửa khẩu biên giới Việt Nam - Lào”.²

Tại Điều 1 Nghị định thư về việc trao đổi hàng hóa của công dân cư trú trong khu vực biên giới Việt Nam - Lào giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào năm 1997 quy định “Công dân cư trú tại các xã hoặc đơn vị hành chính tương đương của Việt Nam và bản hoặc đơn vị hành chính tương đương của Lào, nơi có đường biên giới tiếp giáp giữa hai nước, có chứng minh thư hoặc giấy chứng nhận biên giới, được qua cửa khẩu chính do Chính phủ hai nước quy định hoặc cửa khẩu phụ do chính quyền cấp tỉnh của hai nước, nơi có đường biên giới chung thỏa thuận quy định, để trao đổi hàng hoá, quà biếu phù hợp với luật pháp mỗi nước.”

(iii) Trên tuyến biên giới đất liền giữa Việt Nam - Campuchia, điểm a Điều 4 và điểm f Điều 13 Hiệp định năm 1983 quy định cư dân mỗi nước cư trú trong khu vực biên giới được cấp “giấy chứng minh biên giới” và sử dụng giấy này để đi sang khu vực biên giới bên kia³. Thực tế hiện nay, “giấy chứng minh biên giới Việt Nam - Campuchia” không được cấp nữa, cư dân biên giới hai nước có thể xuất trình Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân để xuất, nhập qua biên giới sang khu vực biên giới đối diện (xã biên giới).

¹ Điều 22 Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 2009.

² Điều 23 Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào năm 2016.

³ Điều 4 và Điều 13 Hiệp định về Quy chế biên giới giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia năm 1983.

Đề nghị Quý Bộ rà soát tổng thể quy định về giấy tờ qua lại biên giới tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết với các nước có chung biên giới để có thêm cơ sở sửa đổi, bổ sung Nghị định này.

- Tại Mục II.1, đề nghị chỉnh sửa tên đề mục là “dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung” để đảm bảo chính xác.

2. Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động

- Về tên gọi của chính sách: đề nghị phân loại chính sách theo tên gọi/nội dung tóm tắt thay vì dẫn chiếu đến các điều khoản được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 14 để phản ánh đúng nội hàm của từng chính sách.

- Đề nghị gộp chính sách 3 và chính sách 4 do có cùng nội dung về giấy tờ có thể sử dụng để qua lại biên giới, đồng thời, cần cập nội dung của chính sách và các sửa đổi dựa trên kết quả rà soát quy định của các điều ước quốc tế có liên quan (như nêu tại điểm 1. của công văn này).

- Đề nghị đánh giá kỹ hơn về các tác động của chính sách, như tác động về kinh tế, xã hội khi “thắt chặt” quản lý hoạt động thương mại tại khu vực biên giới; cần có nguyên tắc, tiêu chí cụ thể hơn để phân biệt “tiểu ngạch” với “chính ngạch” để không ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế của cư dân biên giới.

3. Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung

i) Tại khoản 1 Điều 1, đề nghị điều chỉnh thêm định nghĩa “Cư dân biên giới” như sau: “Cư dân biên giới thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này là công dân Việt Nam có nơi thường trú tại xã, phường, thị trấn hoặc ~~khu vực địa giới hành chính đơn vị hành chính tương đương có một phần địa giới hành chính trùng với đường biên giới quốc gia trên đất liền~~” để bảo đảm tương thích với Luật tổ chức chính quyền địa phương và các quy định về địa giới hành chính.

Tương tự, đề nghị thay cụm từ “*khu vực địa giới hành chính*” bằng “*đơn vị hành chính*” tại các điều, khoản khác của dự thảo Nghị định để bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

ii) Tại khoản 2 Điều 1, đề nghị bổ sung Bộ Ngoại giao vào danh sách các bộ ngành mà Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới cần trao đổi, thống nhất trước khi công bố Danh mục các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới được phép hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa. Lý do: theo quy định tại Nghị định 112/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/11/2014 về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền và các điều ước quốc tế về quản lý biên giới và cửa khẩu giữa Việt Nam với các nước láng giềng, Bộ Ngoại giao là cơ quan chủ trì tham mưu Chính phủ về chủ trương mở, nâng cấp cửa khẩu; tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu trên phạm vi cả nước và chịu trách nhiệm trao đổi, thực hiện các thủ tục song phương về mở và nâng cấp cửa khẩu, vì vậy, là cơ quan có trách nhiệm xác nhận một cửa khẩu/lối mở có được công nhận trong quan hệ với nước có chung biên giới hay không, tạo cơ sở để người, phương tiện, hàng hóa và vật phẩm của Việt Nam và các nước thực hiện xuất, nhập qua biên giới.

iii) Tại khoản 3 và khoản 4 Điều 1, đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 21 và Điều 22 Nghị định 14 theo hướng liệt kê đầy đủ các giấy tờ mà người.

phương tiện của Việt Nam và của nước có chung biên giới có thể sử dụng để xuất nhập qua các loại hình cửa khẩu (bao gồm cả công dân hai bên nói chung, công dân của tỉnh biên giới và cư dân biên giới...) để nội luật hóa một cách đầy đủ quy định của các điều ước quốc tế có liên quan.

iv) Về Điều 2 (Điều khoản chuyển tiếp), đề nghị cân nhắc thêm một số vấn đề sau:

- Đối với khoản 1: Quy định về số lần và số tiền được miễn thuế trong nhập khẩu hàng hóa theo hình thức trao đổi cư dân được quy định tại Nghị định 134/2016/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Vì vậy, trường hợp muốn điều chỉnh định mức miễn thuế, cần sửa đổi Nghị định 134 nêu trên thì phù hợp hơn. Trường hợp cần phải quy định nội dung nêu trên tại Nghị định này thì cần xác định rõ mức giám cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật để tạo điều kiện cho quá trình triển khai trên thực tế.

- Đối với khoản 3: nếu thực hiện quy định "*chỉ cư dân cư trú tại khu vực biên giới mới được phép xuất khẩu theo hình thức trao đổi cư dân*" tức là bãi bỏ Điều 14 (Quản lý, thu gom hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới) của Nghị định 14 hiện nay. Do đó, đề nghị Quý Bộ cân nhắc thêm về hình thức và nội dung của điều khoản chuyển tiếp này.

- Đối với khoản 5: các cửa khẩu, lối mở biên giới chưa đạt được thỏa thuận song phương về việc mở cửa khẩu, lối mở biên giới tức là chưa được công nhận về pháp lý trong quan hệ giữa ta và các nước có chung biên giới⁴, vì vậy, về nguyên tắc cửa khẩu/lối mở đó chưa được khai thông và chưa được thực hiện hoạt động xuất, nhập qua biên giới tại những nơi này. Đề nghị Quý Bộ cân nhắc thêm về quy định này.

4. Về Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan:

Đề nghị Quý Bộ tiếp tục rà soát thêm và toàn diện hơn các điều ước mà Việt Nam đã ký kết với các nước có chung biên giới và các điều ước khác có nội dung liên quan để bảo đảm tính tương thích giữa nội dung dự thảo Nghị định và các điều ước đã ký kết.

Bộ Ngoại giao trân trọng trao đổi để Quý Bộ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Bùi Thanh Sơn (để b/c);
- Các Đơn vị: LPQT, ĐNA, ĐBA, KTĐP, THKT, CLC, CNV, BPCSPL, BGVT;
- Lưu: HC, UBBG (VTh, PT).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Minh Vũ

⁴ Ví dụ: phía Campuchia không công nhận loại hình lối mở và coi các hoạt động xuất, nhập qua lối mở là hoạt động không phù hợp với pháp luật.

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3317 /BNN-PC
V/v ý kiến đối với
dự thảo Nghị định

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Bộ Công Thương

Phúc đáp văn bản số 1453/BCT-XNK ngày 16/3/2023 của Bộ Công Thương về việc đề nghị có ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới (dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

1. Ý kiến chung: cơ bản nhất trí đối với nội dung của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung nêu trên.

2. Góp ý cụ thể:

- Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung đề nghị viết lại như sau: “Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, cư dân biên giới xuất khẩu hàng hóa được giảm số lần được miễn thuế và số tiền được miễn thuế để hài hòa, đồng bộ với việc thay đổi chính sách đối với xuất khẩu hàng hóa theo hình thức trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới.”

- Điều 2 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (Điều khoản chuyển tiếp) đề nghị nghiên cứu để sửa lại thành Hiệu lực thi hành. Lý do: Quy định tại Điều này điều chỉnh các hoạt động cụ thể trong các năm (từ năm 2025 đến năm 2028), không thuộc nội dung cần phải quy định chuyển tiếp.

Trân trọng gửi Quý Bộ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Hiệp



Cơ quan: Bộ Quốc phòng
Thời gian ký: 11.04.2023
15:02:17 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1144~~/BQP-BĐBP

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2023

V/v tham gia hồ sơ dự thảo
Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định số 14/2018/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Phúc Công văn số 1453/BCT-XNK ngày 16/3/2023 Bộ Công Thương về việc tham gia ý kiến hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP (Nghị định). Qua nghiên cứu, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

I. VỀ DỰ THẢO TỜ TRÌNH

1. Cơ bản nhất trí dự thảo Tờ trình của Bộ Công Thương.
2. Ý kiến tham gia

Tại mục 1, Phần I đề nghị cập nhật đánh giá, bổ sung kết quả triển khai thực hiện (số liệu xuất nhập cảnh, kim ngạch xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu, lối mở biên giới) để đánh giá mức độ tăng trưởng xuất nhập cảnh và xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu biên giới đất liền trong thời gian qua.

II. VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI

1. Cơ bản nhất trí dự thảo Nghị định của Bộ Công Thương soạn thảo.
2. Ý kiến tham gia

a) Tại khoản 2, Điều 1 đề nghị nghiên cứu bổ sung, làm rõ nội dung "có đủ điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật" là gồm những cơ sở hạ tầng gì để các địa phương triển khai thực hiện.

b) Tại khoản 3 và khoản 4, Điều 1 đề nghị nghiên cứu thay cụm từ "giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế" cho cụm từ "các loại giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu" và thay cụm từ "Giấy thông hành/Số thông hành" cho cụm từ "Giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới" theo đúng quy định tại Điều 6 của Luật xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam và Điều 20 của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và điều ước quốc tế, viết lại như sau:

"3. Chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa, nhân viên phục vụ trên xe, tàu, thuyền phải có một trong các loại giấy tờ có giá trị sử dụng như sau: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn hiệu lực, Giấy thông hành/Số thông hành hoặc các giấy tờ khác do hai bên thỏa thuận."

“4. Công dân nước có chung đường biên giới là chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, chủ phương tiện, người điều khiển và nhân viên phục vụ trên phương tiện vận tải hàng hóa của nước có chung đường biên giới được theo phương tiện vận tải hàng hóa đi qua cửa khẩu, lối mở biên giới quy định tại Nghị định này để vào các điểm giao nhận hàng hóa bằng *Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn hiệu lực, Giấy thông hành/Sổ thông hành hoặc các giấy tờ khác do hai bên thỏa thuận.*”

c) Đề nghị sửa đổi các nội dung khác liên quan Nghị định số 14/2018/NĐ-CP

- Tại mục 5, Phần I của Tờ trình Bộ Công Thương đánh giá khoản 3, Điều 6 của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP chưa phù hợp với khoản 3, Điều 5 của Nghị định 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền về nguyên tắc xuất nhập qua cửa khẩu biên giới. Do đó, đề nghị sửa lại khoản 3, Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP cho phù hợp các quy định của văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Tại điểm a, khoản 3, Điều 3 và khoản 1, Điều 16 đề nghị thay cụm từ “hộ khẩu thường trú” bằng cụm từ “*nơi thường trú*” để phù hợp với Luật Cư trú năm 2020 và thống nhất với nội dung khoản 1, Điều 1 của Nghị định sửa đổi Nghị định số 14/2018/NĐ-CP.

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 24, trách nhiệm của Bộ Quốc phòng (nội dung này Bộ Quốc phòng đã có ý kiến tại Công văn số 3730/BQP-BĐBP ngày 30/10/2022) như sau:

“1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh và lực lượng bảo vệ biên giới các nước láng giềng bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới, cửa khẩu; thực hiện kiểm soát xuất nhập cảnh người, phương tiện trong hoạt động thương mại biên giới; trao đổi thông tin theo quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết; tăng cường tuần tra, kiểm soát, phối hợp điều tra, xử lý các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trong hoạt động thương mại trên địa bàn khu vực biên giới, cửa khẩu”.

III. VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Cơ bản nhất trí dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của Bộ Công Thương.

2. Ý kiến tham gia

- Tại tiết 3.1, mục 3, Phần II đề nghị bổ sung cơ sở pháp lý Luật xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam và Điều 20 của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam không quy định chứng minh nhân dân, căn cước công dân dùng thay giấy tờ xuất nhập cảnh qua lại biên giới.

- Đề nghị Bộ Công Thương đánh giá bổ sung tác động khi xây dựng Điều 2 của dự thảo Nghị định và các cơ sở pháp lý hoặc thỏa thuận song phương để xây dựng lộ trình áp dụng thời gian thực hiện các nội dung Điều này, vì: Chính sách thương mại tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc khác với tuyến

biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia; đồng thời điều kiện địa hình của từng tuyến khác nhau, nếu quy định lộ trình này sẽ gây khó khăn cho hàng hóa của cư dân biên giới trao đổi qua các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính; cơ quan, biện pháp tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát lộ trình quy định này.

IV. VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO VỀ VIỆC RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Cơ bản nhất trí dự thảo Báo cáo đánh về việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

2. Ý kiến tham gia

Tại Phần I đề nghị bổ sung thêm văn bản “Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam”.

Tại Phần II đề nghị rà soát thêm quy định về nguyên tắc xuất nhập qua cửa khẩu biên giới phù hợp với khoản 3, Điều 5 của Nghị định 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền với khoản 3, Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP.

V. VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết. Trong quá trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP sẽ tác động đến chính sách thương mại biên giới với các nước có chung đường biên giới và ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới, nhất là cư dân biên giới tuyến Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia. Do đó, đề nghị Bộ Công Thương cơ quan chủ trì xây dựng Nghị định phối hợp với các bộ, ngành tổ chức khảo sát thực tế và lấy ý kiến của các địa phương trong quá trình sửa đổi Nghị định sát với thực tế tạo điều kiện thuận lợi cho cư dân hai bên biên giới trao đổi hàng hóa.

Đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo theo quy định. /s/ *Thượng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư lệnh BDBP;
- C54;
- Lưu: VT, THĐB. TrH07.



Thượng tướng Nguyễn Tân Cương



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4441** /BTC-TCHQ

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2023

V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự
thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định số 14/2018/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Công Thương

Bộ Tài chính nhận được công văn số 1453/BCT-XNK ngày 16/03/2023 của Công Thương và công văn số 207/XNK-TMQT ngày 11/04/2023 của Cục Xuất nhập khẩu – Bộ Công thương về việc xin ý kiến hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới. Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

I. Đối với Dự thảo Tờ trình:

Bộ Tài chính nhất trí với bố cục, nội dung, mục đích, quan điểm và sự cần thiết ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết hoạt động thương mại biên giới tại dự thảo Tờ trình Chính phủ.

II. Đối với Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ:

Bộ Tài chính đã có công văn số 13286/BTC-TCHQ ngày 16/12/2022 báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện và tham gia ý kiến đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ. Đối với dự thảo lần 2, Bộ Tài chính tham gia một số ý kiến như sau:

1. Tại Điều 1 của Dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung:

a) Đối với Khoản 3 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP:

Đề đảm bảo thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện trên thực tế, đề nghị quy định cụ thể “*các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu còn hiệu lực*”.

Trường hợp sửa đổi, bổ sung điều khoản này, đề nghị Bộ Công Thương rà soát sửa đổi các Điều khoản tại Nghị định có liên quan đến các giấy tờ thay thế hộ chiếu như khoản 2 Điều 21 và 1 Điều 22 của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP

b) Đối với Khoản 5 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP:

Tại khoản này đề nghị sửa đổi lại quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính như sau: “ (i) *Hướng dẫn thực hiện chính sách thuế, phí và lệ phí; (ii) thực hiện thủ tục, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.*” để phù hợp với Luật Hải quan 2014

Lý do:

- *Tại điểm (ii),*

Tại Điều 1 Luật hải quan 2014 ngày 23/06/2014 quy định phạm vi điều chỉnh như sau: “Luật này quy định quản lý nhà nước về hải quan đối với hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong lãnh thổ hải quan; về tổ chức và hoạt động hải quan”. Như vậy, ngoài việc thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thì cơ quan hải quan còn là cơ quan chủ trì về thủ tục đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. Thực tế nội dung này đã được quy định chi tiết tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo đó đề nghị sửa lại điểm (ii) thành “thực hiện thủ tục, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, **quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh**” để phù hợp với Luật Hải quan 2014.

- *Tại điểm (iii), về quản lý phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua các cửa khẩu đường bộ:*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7, khoản 1 Điều 88 và khoản 2 Điều 89 Luật Hải quan thì trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chủ trì kiểm tra, giám sát, kiểm soát đối với hàng hoá, phương tiện vận tải; chủ trì đấu tranh phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Biên phòng Việt Nam thì nhiệm vụ “**kiểm tra, kiểm soát phương tiện** khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, xử lý phương tiện vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới, cửa khẩu” của Bộ Quốc phòng (Bộ đội Biên phòng) phải được thực hiện theo quy định của pháp luật (trong đó có quy định của pháp luật về Hải quan, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về tổ tụng hình sự, điều tra hình sự...).

Như vậy, tại điểm (iii) khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP) quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính: “(iii) phối hợp với Bộ Quốc phòng đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh trong hoạt động thương mại biên giới” là không đúng với quy định của Luật Biên phòng Việt Nam và không đúng với quy định của Luật Hải quan.

Do đó, Bộ Tài chính đề nghị bỏ điểm (iii) để phù hợp với Luật hải quan 2014 và Luật Biên phòng 2020.

- *Tại điểm (iv), về việc phối hợp cung cấp số liệu cho các bên có liên quan:*

Theo quy định tại Điều 93 Luật Hải quan: “*Thông tin hải quan được thu thập, lưu trữ, quản lý, sử dụng để phục vụ thực hiện thủ tục hải quan; thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; kiểm tra sau thông quan; phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các hoạt động nghiệp vụ khác của cơ quan hải quan*”.

Theo quy định tại Điều 98 Luật Hải quan thì ***Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ thông tin thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu định kỳ hàng tháng theo hệ thống mẫu biểu quy định và báo cáo phân tích đánh giá tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.***

Căn cứ quy định tại Điều 93 và Điều 95 Luật Hải quan thì thông tin hải quan (trong đó bao gồm thông tin về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh) được sử dụng phục vụ công tác quản lý nhà nước về hải quan và Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính chỉ có trách nhiệm báo cáo Chính phủ.

Hiện nay, Bộ Tài chính đang được Chính phủ giao chủ trì xây dựng Nghị định về kết nối và chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh người và phương tiện vận tải theo cơ chế một cửa quốc gia theo công văn số 63/VPCP-TH ngày 11/01/2021 của Văn phòng Chính phủ. Theo đó, Nghị định sẽ quy định việc tổ chức, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình hoạt động quản lý nhà nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh.

Do đó, Bộ Tài chính đề nghị bỏ điểm (iv) để phù hợp với Luật hải quan 2014.

2. Tại Điều 2 của Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về điều khoản chuyển tiếp:

a) Tại Khoản 1:

Đề nghị sửa đổi như sau: “1. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, ***giảm định mức miễn thuế và trị giá hàng hóa nhập khẩu theo hình thức mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới***”

Lý do: Để phù hợp với quy định và tinh thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Quản lý ngoại thương; khoản 3 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu; khoản 1 Điều 9 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP; khoản 1 Điều 86 Luật Hải quan.

b) Tại Khoản 2:

Dự thảo quy định: “2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, hàng hóa xuất khẩu phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chất lượng, quy định về truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của nước nhập khẩu kể cả đối với hàng hóa trao đổi cư dân biên giới”. Đề nghị Bộ Công Thương cân nhắc việc quy định như dự thảo, do đây là trách nhiệm của doanh nghiệp, nếu quy định như dự thảo thì lại được hiểu là trước thời điểm từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 thì không yêu cầu doanh nghiệp phải đáp ứng. Theo quan điểm của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương xem xét bỏ khoản này tại dự thảo.

c) Tại Khoản 3:

Đề nghị sửa đổi như sau: “3. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, chỉ cư dân ***thường trú*** tại khu vực biên giới mới được phép xuất khẩu theo hình thức ***mua bán***, trao đổi ***hàng hóa qua biên giới của cư dân biên giới***. Chính thức áp dụng

định mức mới đối với mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới. Ngoài ra, khi thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới, cư dân phải **trực tiếp** làm thủ tục xuất cảnh.

Lý do: Theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Luật Cư trú năm 2020 quy định "**nơi thường trú**" là nơi công dân sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú và Khoản 9 Điều 1 Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc năm 2009 quy định "**cư dân biên giới**" là chi dân cư **thường trú** của mỗi nước thuộc xã (trấn) tiếp giáp đường biên giới.

Bên cạnh đó cần làm rõ "**Chính thức áp dụng định mức mới đối với hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới**" là định mức như thế nào? Được quy định ở đâu? Sự khác biệt và tác động của định mức mới so với định mức trước khi áp dụng định mức mới.

d) Tại khoản 4:

Theo quy định tại Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc 2009 và Hiệp định thương mại biên giới Việt Nam – Trung Quốc 2009 thì việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của hai Bên và nước thứ ba phải thực hiện qua các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu song phương được hai bên thỏa thuận. Theo đó, nếu quy định như Dự thảo thì sẽ phát sinh cách hiểu là trước 01/01/2026, các mặt hàng chính ngạch trên tuyến biên giới Việt Nam – Trung Quốc vẫn được phép làm thủ tục tại các cửa khẩu mà không phải là cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu song phương. Do đó, đề nghị xem xét nội dung này.

e) Tại Khoản 6:

Đề nghị sửa đổi như sau: "**6. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028, tại tất cả các cửa khẩu, lối mở đạt được thỏa thuận song phương về việc mở cửa khẩu, lối mở biên giới chỉ cho phép làm thủ tục xuất khẩu sang Trung Quốc các mặt hàng trong Danh mục hàng hóa đã được Trung Quốc chấp thuận qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính**"

Lý do: Thực tế hiện nay, một số mặt hàng nằm trong Danh mục hàng hóa đã được phía Trung Quốc chấp thuận cho phép nhập khẩu qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính nhưng chưa có hàng hóa vào được qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính. Do đó, nếu quy định "**các mặt hàng đã vào được Trung Quốc**" sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp khi xuất khẩu những mặt hàng chưa từng vào được Trung Quốc nhưng vẫn nằm trong Danh mục được phép nhập khẩu của Trung Quốc.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng nhận thấy tại khoản 6 có mâu thuẫn với khoản 5, nếu ở khoản 5 tại dự thảo đang quy định theo hướng từ ngày 01/01/2027 sẽ dừng toàn bộ hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu phụ, lối mở mà chưa đạt được song phương, nhưng ở khoản 6 thì lại được hiểu là từ ngày 01/01/2028 thì các cửa khẩu phụ, lối mở mà chưa đạt được song phương lại được phép xuất khẩu hàng hóa sang Trung Quốc. Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị Bộ

Công Thương xem xét lại nội dung các khoản 4,5,6 này, tránh mâu thuẫn với nhau giữa các khoản của cùng một Điều.

3. Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng đề nghị Bộ Công Thương xem xét sửa đổi, bổ sung thêm một số nội dung thuộc Nghị định số 14/2018/NĐ-CP mà không được đưa vào dự thảo tại Nghị định sửa đổi:

a) Đề nghị Bộ Công Thương nên có đánh giá tác động đối với nội dung tại Điều khoản chuyển tiếp đối với việc quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 2 về hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc theo Nguyên tắc đãi ngộ tối huệ quốc (MFN) (đây là nguyên tắc có nghĩa là “nước (được) ưu đãi nhất”, “nước (được) ưu tiên nhất”. Nội dung của nguyên tắc này thực chất là việc WTO quy định rằng, các quốc gia không thể phân biệt đối xử với các đối tác thương mại của mình. Cơ chế hoạt động của nguyên tắc này như sau: mỗi thành viên của WTO phải đối xử với các thành viên khác của WTO một cách công bằng như những đối tác “ưu tiên nhất”. Nếu một nước dành cho một đối tác thương mại của mình một hay một số ưu đãi nào đó thì nước này cũng phải đối xử tương tự như vậy đối với tất cả các thành viên còn lại của WTO để tất cả các quốc gia thành viên đều được “ưu tiên nhất”. Như vậy, việc áp dụng về cửa khẩu cũng như hàng hóa sang Trung Quốc có thể tạo sự mất công bằng giữa việc hàng hóa xuất khẩu sang Trung Quốc với Lào và Campuchia.

b) Tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP quy định thanh toán trong hoạt động thương mại biên giới có phương thức “thanh toán bằng tiền mặt”. Đề nghị xem xét điều chỉnh sửa đổi, bổ sung, vì việc thanh toán bằng tiền mặt qua các cửa khẩu tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó kiểm soát nên quy định việc thanh toán của các thương nhân theo Nghị định số 14/2018/NĐ-CP phải thực hiện thanh toán giao dịch qua ngân hàng và chỉ áp dụng việc thanh toán bằng tiền mặt cho đối tượng là cư dân biên giới.

b) Điều 19: Tại Điều này của Nghị định 14/2018/NĐ-CP, tên Điều quy định về kiểm dịch đối với hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều này lại quy định hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới bao gồm phải kiểm tra, kiểm soát về chất lượng, an toàn thực phẩm. Đề nghị xem xét sửa đổi nội dung và tên Điều 19 cho phù hợp.

c) Điều 15: Về miễn kiểm tra đối với hàng hóa của cư dân biên giới tại khoản 3 Điều này của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP quy định “Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới không phải kiểm tra, kiểm soát về chất lượng, an toàn thực phẩm, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định này”. Hàng hóa quy định tại khoản 3 Điều 14 là hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới trong định mức miễn thuế nhưng không sử dụng cho sản xuất, tiêu dùng.

Như vậy, cứ quy định này, hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới được miễn kiểm tra, kiểm soát về chất lượng, an toàn thực phẩm trong trường hợp: *(1) Ngoài định mức miễn thuế; (2) Trong định mức miễn thuế nhưng không sử dụng cho sản xuất, tiêu dùng.* Tuy nhiên, theo quy định về các trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn kiểm tra chất lượng tại khoản 3

Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ và miễn kiểm tra an toàn thực phẩm tại Điều 13 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ bao gồm “*hàng hóa trao đổi của cư dân biên giới trong định mức miễn thuế*”. Như vậy, quy định miễn kiểm tra chất lượng ở 02 văn bản pháp luật đang có mâu thuẫn, đề nghị Bộ Công Thương xem xét sửa đổi quy định tại Nghị định 14/2018/NĐ-CP cho phù hợp với pháp luật chuyên ngành.

d) Theo Luật Quản lý ngoại thương và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác ngoài biện pháp kiểm dịch, kiểm tra an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng thì còn có nhiều chính sách, biện pháp quản lý khác như cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, quản lý theo giấy phép, điều kiện... Tuy nhiên, tại Nghị định số 14/2018/NĐ-CP chỉ quy định về kiểm dịch, kiểm tra an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới (tại Điều 8, 15 và 18). Ngoài ra, theo các văn bản pháp luật quy định về kiểm dịch, kiểm tra an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu không có loại trừ đối với hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới. Như vậy, có được hiểu là đối với hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới, quy định về kiểm dịch, kiểm tra an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng thực hiện theo Nghị định 14/2018/NĐ-CP, còn các biện pháp quản lý khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành hay không? Đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu để bổ sung quy định rõ, đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản pháp luật.

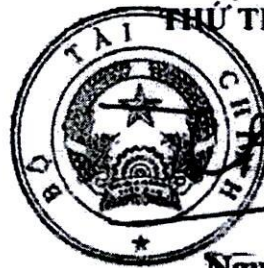
e) Điều 22: tại Điều này cần bổ sung một khoản quy định về kiểm soát hành lý, vật dụng của cư dân biên giới khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh. Do đây cũng là đối tượng cần quản lý trong việc kiểm soát thực tế hàng hóa, vật dụng khi qua lại biên giới của cư dân biên giới hai Bên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCHQ (6b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chí

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1317 /BTP-PLQT
V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị
định sửa đổi, bổ sung Nghị định
số 14/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Bộ Công Thương

Trả lời Công văn số 1453/BCT-XNK ngày 16/3/2023 của Quý Bộ đề nghị góp ý Hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định), Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp nhận thấy cơ bản không trái với Luật Quản lý ngoại thương năm 2017. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ tiếp tục rà soát kỹ với các Luật, Nghị định liên quan để bảo đảm bảo phù hợp, thống nhất.

2. Liên quan đến các dự thảo Tờ trình Chính phủ, Báo cáo Đánh giá tác động chính sách, Báo cáo Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định, về cơ bản đã đủ các đề mục và nội dung theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (Nghị định số 34/2016/NĐ-CP). Tuy nhiên, về thành phần Hồ sơ trình Chính phủ, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ lưu ý bảo đảm tuân thủ theo quy định của Điều 93 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Đối với, quy trình, thủ tục xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ thực hiện theo quy định tại mục 2 Chương V của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp góp ý Hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, xin gửi Quý Bộ để tham khảo, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Nguyễn Khánh Ngọc (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ PLQT(TA).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ



Bạch Quốc An

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2239** /NHNN-QLNH
V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ
dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định số 14/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Bộ Công Thương

Phúc đáp công văn số 1453/BCT-XNK ngày 16/3/2022 của Bộ Công Thương về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Ý kiến chung

Về cơ bản, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhất trí đối với sự cần thiết về việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP để đáp ứng với tình hình phát triển thương mại biên giới; phù hợp chủ trương của Chính phủ trong việc chuyển dần hoạt động thương mại biên giới từ xuất khẩu tiểu ngạch sang xuất khẩu chính ngạch; đưa hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa của cư dân biên giới về đúng bản chất của trao đổi cư dân và xóa bỏ tình trạng lợi dụng hình thức trao đổi cư dân biên giới để buôn bán lớn.

2. Đối với nội dung liên quan đến phương thức thanh toán bằng tiền mặt

Liên quan đến vấn đề này, ngày 19/11/2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có công văn số 8385/NHNN-PC gửi Bộ Công Thương, theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề xuất cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Nghị định số 14/2018/NĐ-CP theo hướng hoạt động thanh toán thương mại biên giới phải được thực hiện thông qua ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giữ nguyên ý kiến như tại công văn 8385/NHNN-PC.

Lý do:

a. Về mặt cơ sở pháp lý:

- Qua rà soát các văn bản pháp luật, tại Hiệp định thương mại biên giới giữa Việt Nam-Lào; Việt Nam-Campuchia; Việt Nam-Trung Quốc có quy định phương thức thanh toán bằng tiền mặt trong hoạt động thương mại biên giới, tuy nhiên phải phù hợp luật, quy định của mỗi nước.

- Tại các Hiệp định thanh toán song phương giữa Việt Nam-Lào; Việt Nam-Campuchia; Việt Nam-Trung Quốc ký kết giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và NHTW 03 nước Lào, Campuchia và Trung Quốc không quy định cụ thể về phương thức thanh toán bằng tiền mặt, doanh nghiệp hai nước thỏa thuận với nhau về đồng tiền và hình thức thanh toán phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối giữa hai nước.

- Các văn bản hướng dẫn hoạt động thanh toán trong thương mại biên giới của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về phương thức thanh toán bằng tiền mặt (Thông tư số 19/2018/TT-NHNN chỉ quy định thanh toán bằng tiền mặt, tuy nhiên, việc quy định và sửa đổi phương thức thanh toán này phù hợp với các quy định của Chính phủ đối với hoạt động thanh toán thương mại biên giới trong từng thời kỳ.

b. Về mặt thực tiễn hoạt động thanh toán bằng tiền mặt

- Trong thời gian qua, trong hoạt động thanh toán thương mại biên giới Việt Nam-Lào, Việt Nam-Campuchia, Việt Nam-Trung Quốc, chỉ phát sinh nhu cầu thanh toán bằng tiền mặt đối với hoạt động thương mại biên giới Việt Nam-Trung Quốc. Qua tổng hợp số liệu báo cáo từ các tỉnh biên giới (Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới Việt Nam-Trung Quốc), phương thức thanh toán bằng tiền mặt chỉ phát sinh bằng đồng VND, không phát sinh bằng đồng CNY. Kể từ 2020 cho đến nay không phát sinh số liệu thanh toán bằng tiền mặt của thương nhân xuất khẩu hàng hóa qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới.

- Thực tế, bên cạnh việc tháo gỡ khó khăn cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới giữa Việt Nam-Trung Quốc trong giai đoạn 2018 đến đầu năm 2020, hoạt động thanh toán bằng tiền mặt gây nhiều rủi ro cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa (đặc biệt tại biên giới Việt Nam-Trung Quốc) và gây khó khăn cho cơ quan chức năng trong công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, gây bất ổn cho xã hội đối với khu vực biên giới.

- Hiện nay, trong hoạt động thanh toán, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang nỗ lực triển khai các giải pháp để thực hiện chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt. Việc xóa bỏ phương thức thanh toán bằng tiền mặt từ hoạt động xuất khẩu hàng hóa của thương nhân qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới là phù hợp thực tiễn và đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về chủ trương tăng cường hoạt động thương mại biên giới theo hướng chính ngạch.

- Bên cạnh đó, vừa qua, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế theo hướng bãi bỏ

hoạt động của bản đối tiền cá nhân, chỉ còn các đại lý đối tiền của nước có chung biên giới hoạt động theo ủy quyền của tổ chức tín dụng. Nội dung dự thảo Nghị định đã được các thành viên Chính phủ thông qua và hiện nay đang trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành. Sau khi Nghị định được ban hành, mọi hoạt động đối đồng tiền của nước có chung biên giới tập trung vào hệ thống tổ chức tín dụng.

- Việc xóa bỏ phương thức thanh toán bằng tiền mặt đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc bỏ phương thức thanh toán bằng tiền mặt tại các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Như vậy, việc bỏ phương thức thanh toán bằng tiền mặt đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa của thương nhân qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới là phù hợp với thực tế và không ảnh hưởng đến hoạt động thanh toán thương mại biên giới. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các cơ quan chức năng trong công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, đảm bảo an ninh tiền tệ khu vực biên giới.

Xin cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ./. *f*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc (để báo cáo);
- PTĐ Phạm Thanh Hà;
- Lưu VP, QLNH3, Đ.H.Điệp. ✓

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Phạm Thanh Hà